

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH  
MỘT THÀNH VIÊN**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 46



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

#### **Hội đồng Thành viên**

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Thành viên Hội đồng Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên Hội đồng Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên Hội đồng Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Võ Tấn Phong	Thành viên Hội đồng Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quyền	Thành viên Hội đồng Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Trịnh Kim Nhạc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Trinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Khánh Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2014)
Bà Phạm Thị Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoài Lam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2014)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



*Đoàn Văn Nhuộm*  
Tông Giám đốc  
Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Số: 472/VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị còn lại của tài sản cố định trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm một số tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Dầu khí Lào (Công ty con của Tổng Công ty) mua từ trước năm 2012 không có hồ sơ, chúng từ đầy đủ với giá trị còn lại là 10.624.442.278 LAK (tương đương 27.340.304.369 VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để kiểm tra tính chính xác về giá trị còn lại của các tài sản cố định trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)*

Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang ghi nhận phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư ("Petec" - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 VND. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại Petec tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Do đó, chúng tôi chưa có đủ thông tin về giá trị quyết toán và khoản chênh lệch (nếu có) so với giá trị ghi nhận trên khoản mục phải thu khác này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.


### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

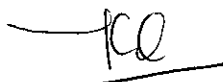
Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty ghi nhận và phản ánh trên báo cáo tài chính riêng khoản góp vốn cổ phần vào Petec lớn hơn giá trị Petec đang theo dõi và hạch toán với số tiền 111.225.298.544 VND. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản chênh lệch này sẽ được xử lý khi Petec thực hiện xong công tác quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ tại công ty con để loại trừ khoản chênh lệch này trước khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

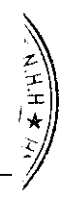


  
Khúc Thị Lan Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0036-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 25 tháng 3 năm 2015  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



  
Trần Thị Kim Khánh  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0395-2013-001-01

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
				(Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>16.895.862.002.826</b>	<b>30.398.980.003.196</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>5.249.113.998.649</b>	<b>5.356.416.593.105</b>
1. Tiền	111		4.436.386.654.209	4.088.720.634.033
2. Các khoản tương đương tiền	112		812.727.344.440	1.267.695.959.072
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>958.574.803.894</b>	<b>1.030.203.462.131</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		964.737.324.182	1.036.137.349.337
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.162.520.288)	(5.933.887.206)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.901.682.573.818</b>	<b>16.566.866.017.648</b>
1. Phải thu khách hàng	131	8	7.756.273.603.887	15.793.408.135.281
2. Trả trước cho người bán	132		197.628.821.556	197.977.666.145
3. Các khoản phải thu khác	135	9	822.148.178.247	1.294.527.307.962
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(874.368.029.872)	(719.047.091.740)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>2.562.725.469.508</b>	<b>6.861.241.734.873</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.226.940.286.142	6.863.529.054.965
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(664.214.816.634)	(2.287.320.092)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>223.765.156.957</b>	<b>584.252.195.439</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21.154.385.378	22.391.306.788
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11	95.660.013.162	525.985.984.304
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	12	70.062.397.827	13.080.396.167
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	13	36.888.360.590	22.794.508.180

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 46 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

1126  
 CHI  
 CÔN  
 CHNH  
 VEL  
 VIỆT  
 - TI

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
				(Trình bày lại)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260+269)	<b>200</b>		<b>6.629.836.394.066</b>	<b>7.056.021.518.036</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>1.622.488.123</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	3.386.552.776
2. Phải thu dài hạn khác	218		-	10.360.434.208
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(12.124.498.861)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.483.816.024.282</b>	<b>4.565.218.791.125</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	2.697.232.791.120	2.800.451.644.045
- Nguyên giá	222		4.948.598.671.790	4.855.373.484.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.251.365.880.670)	(2.054.921.840.725)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		1.274.945.845	704.143.615
- Nguyên giá	225		1.395.886.364	712.627.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(120.940.519)	(8.483.658)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.422.112.986.712	1.353.636.003.930
- Nguyên giá	228		1.521.815.222.558	1.426.638.385.738
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.702.235.846)	(73.002.381.808)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	16	363.195.300.605	410.426.999.535
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>17</b>	<b>13.926.806.332</b>	<b>43.111.150.574</b>
- Nguyên giá	241		21.937.998.866	53.303.625.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(8.011.192.534)	(10.192.475.388)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.234.239.364.433</b>	<b>1.377.092.309.515</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	19	978.237.329.144	1.055.476.813.524
2. Góp vốn liên doanh	253	20	66.066.398.237	140.462.413.794
3. Đầu tư dài hạn khác	258	21	227.117.104.677	205.649.977.229
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	21	(37.181.467.625)	(24.496.895.032)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>745.657.759.323</b>	<b>892.940.285.797</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	22	741.834.410.353	784.858.768.044
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	104.969.456.863
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.823.348.970	3.112.060.890
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>23</b>	<b>152.196.439.696</b>	<b>176.036.492.902</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>23.525.698.396.892</b>	<b>37.455.001.521.232</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 46 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
				(Trình bày lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300=310+330)	<b>300</b>		<b>14.324.737.973.932</b>	<b>26.541.620.950.021</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.449.342.873.125</b>	<b>26.305.643.267.342</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	24	2.407.775.593.431	6.667.798.954.639
2. Phải trả người bán	312	25	9.521.191.570.889	18.346.970.773.734
3. Người mua trả tiền trước	313		141.242.481.997	70.515.108.518
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	26	442.370.186.984	535.791.451.598
5. Phải trả người lao động	315		160.234.313.741	171.431.871.153
6. Chi phí phải trả	316		72.782.576.440	117.048.915.158
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	27	678.520.757.794	369.804.464.364
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		25.225.391.849	26.281.728.178
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>875.395.100.807</b>	<b>235.977.682.679</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	60.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	333		6.922.680.567	5.042.079.204
3. Vay và nợ dài hạn	334	28	377.353.201.727	531.041.515.493
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		20.677.601.225	-
5. Doanh thu chưa thực hiện	338		20.532.853.621	18.913.536.378
6. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340	29	449.908.763.667	(319.079.448.396)

002-C  
NH  
TY  
HỮU  
HẠN  
TE  
AM  
S CH

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	
			31/12/2014	(Trình bày lại)
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400=410)	<b>400</b>		<b>8.120.085.198.213</b>	<b>9.813.178.938.016</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>8.120.085.198.213</b>	<b>9.813.178.938.016</b>
1. Vốn điều lệ	411	30	10.884.251.000.000	10.884.251.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.255.798.363	1.255.798.363
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	30	3.623.913.360	(4.590.016.377)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	30	233.448.682.763	194.102.323.575
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	30	33.042.051.620	27.752.441.240
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	30	24.504.033.743	20.250.283.233
7. Lỗ lũy kế	420	30	(3.072.518.863.437)	(1.345.995.906.419)
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		5.970.699.688	5.970.699.688
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	30	6.507.882.113	30.182.314.713
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>31</b>	<b>1.080.875.224.747</b>	<b>1.100.201.633.195</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>23.525.698.396.892</b>	<b>37.455.001.521.232</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	31/12/2014	31/12/2013
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	764.463.267.955	1.386.800.321.416
2. Ngoại tệ các loại (USD)	43.426.654	10.442.235



**Đoàn Chí Nhuộm**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 25 tháng 3 năm 2015

**Nguyễn Đăng Trinh**  
 Kế toán trưởng

**Phùng Tố Văn**  
 Người lập biểu

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2014	2013
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	68.828.827.518.778	101.317.175.618.965
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	2.517.829.560.324	2.885.158.977.800
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>32</b>	<b>66.310.997.958.454</b>	<b>98.432.016.641.165</b>
3. (10=01-02)				
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	65.155.184.517.216	95.182.497.786.542
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1.155.813.441.238</b>	<b>3.249.518.854.623</b>
(20=10-11)				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	144.462.461.447	296.583.967.749
7. Chi phí tài chính	22	36	352.743.265.238	480.290.519.626
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		265.328.621.627	306.730.772.632
8. Chi phí bán hàng	24		1.511.496.795.391	1.271.145.839.019
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		753.054.759.998	1.049.180.058.793
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(1.317.018.917.942)</b>	<b>745.486.404.934</b>
(30=20+(21-22)-(24+25))				
11. Thu nhập khác	31	37	293.333.708.409	133.663.725.738
12. Chi phí khác	32	37	178.063.926.865	116.484.004.339
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>37</b>	<b>115.269.781.544</b>	<b>17.179.721.399</b>
14. <b>Phần (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>(130.255.010.332)</b>	<b>(99.304.972.451)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(1.332.004.146.730)</b>	<b>663.361.153.882</b>
(50=30+40+45)				
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	71.818.656.654	270.846.712.549
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		99.742.358.232	36.158.116.593
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(1.503.565.161.616)</b>	<b>356.356.324.740</b>
(60=50-51-52)				
Trong đó:				
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(21.657.247.397)	52.894.906.175
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		(1.481.907.914.219)	303.461.418.565



Đoàn Văn Nhậm  
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Đăng Trình  
 Kế toán trưởng

Phùng Tô Văn  
 Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 46 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

31/2E  
 CHI  
 CỘ  
 CH NH  
 DEL  
 VIỆ  
 / - T

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(1.332.004.146.730)	663.361.153.882
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>		<i>1.372.012.864.601</i>	<i>937.219.514.642</i>
- Khấu hao tài sản cố định	02	381.102.208.249	329.087.910.436
- Các khoản dự phòng	03	818.037.141.488	371.162.850.614
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	751.588.730	4.669.731.773
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(93.206.695.493)	(74.431.750.813)
- Chi phí lãi vay	06	265.328.621.627	306.730.772.632
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	<i>40.008.717.871</i>	<i>1.600.580.668.524</i>
- Thay đổi các khoản phải thu	09	8.876.379.405.545	1.315.162.735.878
- Thay đổi hàng tồn kho	10	3.636.588.768.823	303.753.752.558
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(7.942.284.969.168)	(2.029.228.658.697)
- Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	72.617.142.858	(90.473.111.092)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(270.757.307.810)	(307.239.312.311)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(184.832.681.129)	(98.745.804.313)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	24.311.710.483
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(9.456.628.120)	(5.727.183.762)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>4.218.262.448.870</i>	<i>712.394.797.268</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(280.418.018.508)	(438.584.753.465)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản khác	22	190.507.714.087	68.970.679.196
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(832.581.542.760)	(1.028.905.476.532)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	898.107.450.930	76.859.847.385
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.756.306.645)	(26.197.240.354)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.339.923.475	162.903.415.645
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	98.246.796.009	127.326.683.673
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>73.446.016.588</i>	<i>(1.057.626.844.452)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	278.772.106.762
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	25.289.625.585.689	23.997.532.800.937
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(29.693.002.038.681)	(22.856.502.343.235)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(4.403.376.452.992)</i>	<i>1.419.802.564.464</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	50	<b>(111.667.987.534)</b>	<b>1.074.570.517.280</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>5.356.416.593.105</b>	<b>4.282.521.892.272</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.365.393.078	(675.816.447)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	70	<b>5.249.113.998.649</b>	<b>5.356.416.593.105</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 46 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

#### Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm 28.847.708.443 VND (năm 2013 là 86.919.112.875 VND), là giá trị mua sắm xây dựng tài sản cố định chưa được thanh toán trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Phùng Tố Vân  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Đăng Trình  
Kế toán trưởng

Phùng Tố Vân  
Người lập biểu

002-C  
NH  
TY  
HỮU  
HÀ  
CƠ  
AM  
Ồ CHÍ

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty mẹ Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí và Công ty TNHH Một thành viên Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ.

Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005189 ngày 26 tháng 6 năm 2008 và thay đổi lần 13 ngày 16 tháng 7 năm 2013. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2008. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16 tháng 7 năm 2013, vốn điều lệ điều chỉnh của Tổng Công ty là 10.884.251.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số nhân viên tại Tổng Công ty (không bao gồm các công ty con) là 831 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 866 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ Tổng Công ty là xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu và kinh doanh sản phẩm dầu trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Sản xuất sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Xuất nhập khẩu sản phẩm dầu và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, hóa chất, vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Kinh doanh vật tư thiết bị hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Môi giới và cung ứng tàu biển; Kinh doanh khách sạn, du lịch (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ cho thuê xe bồn, bể chứa xăng dầu và kho bãi; Mua bán phân bón, các sản phẩm hóa dầu.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày lập báo cáo tài chính. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh nghiệp vụ mua công ty con. Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

1001  
CH  
C  
RÁCH  
DE  
VI  
N.V.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết của Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của Tổng Công ty trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh trong vòng 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc công ty liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được hạch toán vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

0-002  
HÀNH  
TY  
NHỮU  
ITTE  
NAM  
HỒ C

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 6

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nguyên giá và hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý, giá trị còn lại của tài sản và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc thanh lý tài sản cố định và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình chủ yếu bao gồm quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn quy định trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Đối với tài sản cố định vô hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị tiền thuê đất, thuê văn phòng, giá trị lợi thế vị trí địa lý của một số cửa hàng xăng dầu và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giá trị lợi thế vị trí địa lý thể hiện khoản chênh lệch giá mua của một số cửa hàng xăng dầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê đất còn lại của các cửa hàng, từ 13 năm đến 50 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, các chi phí quảng cáo, sửa chữa với thời hạn từ một năm trở lên và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích.

3011  
CHI  
CỨ  
ÁCH  
DE  
VI  
/ -

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Nguồn vốn và phân phối lợi nhuận**

Nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm nguồn vốn do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cấp bằng tiền mặt và nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận hàng năm theo quyết định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh hoặc được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cấp. Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo Điều 38 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Lợi nhuận của Tổng Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

- Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có).
- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.
- Lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:
  - Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty;
  - Trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện cho quỹ thưởng Viên chức quản lý điều hành căn cứ vào kết quả phân loại doanh nghiệp.
  - Trích tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện cho quỹ khen thưởng, phúc lợi căn cứ vào kết quả phân loại doanh nghiệp.
  - Số lợi nhuận còn lại bổ sung quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp của Tổng Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tổng Công ty.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Quỹ bình ổn giá xăng dầu**

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư số 234/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 09 tháng 12 năm 2009 về việc “Hướng dẫn cơ chế hình thành, quản lý và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu” (hết hiệu lực vào ngày 01 tháng 11 năm 2014) và được thay thế bởi Thông tư số 39/2014/TTLT-BCT-BTC của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 10 năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2014) về việc “Quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng quỹ bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu”.

Từ ngày 01 tháng 11 năm 2014, Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Công thương và Bộ Tài chính thay thế cho Thông tư số 234/2009/TT-BTC, quy định về phương pháp tính giá cơ sở, cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng quỹ bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Quỹ bình ổn giá xăng dầu (tiếp theo)**

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở (mức trích căn cứ theo quy định từng thời kỳ của Bộ Tài chính).

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng theo công văn chỉ đạo của Bộ Tài chính từng thời kỳ. Việc sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu dựa trên sản lượng thực tế tiêu thụ nhân mức sử dụng trên một lít xăng dầu theo quy định của Bộ Tài chính.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể được sử dụng để bù trừ với các khoản lợi nhuận trong tương lai. Tuy nhiên, Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ mang sang do không chắc chắn về khả năng thu được lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ**

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Mê Kông (Công ty con của Tổng Công ty) tiến hành điều chỉnh hồi tố số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 căn cứ vào quyết toán thuế theo Quyết định số 1390/QĐ-CT ngày 16 tháng 5 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Cần Thơ. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu tại ngày	Số liệu tại ngày	Chênh lệch
		31/12/2013	31/12/2013	
		sau điều chỉnh hồi tố	trước điều chỉnh hồi tố	
		VND	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	535.791.451.598	488.351.259.597	47.440.192.001
Lỗi lũy kế	420	(1.345.995.906.419)	(1.302.260.855.207)	(43.735.051.212)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	1.100.201.633.195	1.103.906.773.984	(3.705.140.789)

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	15.117.057.654	22.219.638.856
Tiền gửi ngân hàng	4.421.039.396.755	4.064.769.416.225
Tiền đang chuyển	230.199.800	1.731.578.952
Các khoản tương đương tiền (i)	812.727.344.440	1.267.695.959.072
	<b>5.249.113.998.649</b>	<b>5.356.416.593.105</b>

- (i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4,4% đến 5,45%/năm (năm 2013: từ 6,5% đến 7%/năm) đối với Đồng Việt Nam và 0,38%/năm (năm 2013: từ 0,38% đến 0,48%/năm) đối với Đồng Đô la Mỹ.

**7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	9.737.324.182	11.137.349.337
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	955.000.000.000	1.025.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(6.162.520.288)	(5.933.887.206)
	<b>958.574.803.894</b>	<b>1.030.203.462.131</b>

- (i) Đầu tư ngắn hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất từ 6,5% đến 7%/năm (năm 2013: từ 6,8% đến 7,5%/năm).

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM****TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn (i)	3.887.076.601.125	10.045.495.810.517
Gunvor Singapore Pte., Ltd.	41.632.795.094	750.425.267.170
Shell International Eastern Trading Co.	1.213.926.254	760.693.011.923
EP Ecuador	-	578.552.072.366
Xí nghiệp Liên Doanh VietsovPetro	311.647.978.928	256.944.708.631
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	187.471.591.430	136.724.474.884
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Xăng dầu Tiên Phong	124.251.939.885	124.251.939.885
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	124.164.578.894
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	87.946.610.123
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	78.234.498.311	78.334.498.311
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	77.865.356.829
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	22.933.824.137	59.371.949.733
Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Anh	58.257.741.001	58.952.121.001
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	243.782.750	57.932.009.050
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Nam Việt	-	1.691.470.442
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	1.362.230.984	579.436.202
Phải thu khách hàng khác	2.751.970.148.142	2.593.482.819.320
	<b>7.756.273.603.887</b>	<b>15.793.408.135.281</b>

- (i) Đây là khoản tiền phải thu từ Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn để thực hiện các hoạt động mua và nhập khẩu ủy thác cho Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn và các phần phi ủy thác có liên quan.

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	172.650.526.381	172.650.526.381
Thuế tạm nộp kinh doanh hàng tạm nhập tái xuất	136.049.096.134	210.994.047.858
Thuế tiêu thụ đặc biệt chờ khấu trừ (i)	99.616.762.203	126.808.120.785
Thuế xuất khẩu dầu thô chờ cản trừ, nộp trước hạn (ii)	76.435.004.408	120.531.793.988
Chuyển nhượng dự án Petroland	50.226.706.871	51.065.995.844
Lợi nhuận tạm phân phối Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	47.016.184.142	162.403.191.943
Cho vay trao đổi xăng dầu	7.832.519.772	77.113.961.219
Chuyển nhượng dự án Lam Kinh - Thanh Hóa	-	30.047.800.000
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	-	17.876.290.151
Thuế tiêu thụ đặc biệt tạm nộp	-	58.895.548.307
Phải thu khác	232.321.378.336	266.140.031.486
	<b>822.148.178.247</b>	<b>1.294.527.307.962</b>

- (i) Là số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên vật liệu Condensate và hàng pha chế chờ được khấu trừ của những năm trước và năm nay.
- (ii) Là số thuế xuất khẩu dầu thô chờ cản trừ trong năm 2014, số thuế này sẽ được bù trừ với số thuế đến hạn phải nộp trong năm 2015.



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)**

- (iii) Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư ("Petec" - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại Petec tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	208.185.989.054	775.149.407.885
Nguyên liệu, vật liệu	384.008.164.133	171.768.429.373
Công cụ, dụng cụ	9.539.029.073	14.614.340.295
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	684.544.514.438	256.733.228.550
Thành phẩm tồn kho	164.038.533.485	1.209.684.773.339
Hàng hóa	1.773.554.891.412	4.400.694.238.508
Hàng gửi đi bán	3.069.164.547	34.884.637.015
<b>Cộng</b>	<b><u>3.226.940.286.142</u></b>	<b><u>6.863.529.054.965</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(664.214.816.634)	(2.287.320.092)
	<b><u>2.562.725.469.508</u></b>	<b><u>6.861.241.734.873</u></b>

**11. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là phần thuế giá trị gia tăng đầu vào của Tổng Công ty chưa thực hiện khấu trừ. Việc khấu trừ khoản thuế này trong năm tiếp theo sẽ phụ thuộc vào việc kê khai của Tổng Công ty và sự kiểm tra, phê duyệt của cơ quan thuế địa phương.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	764.519.933	4.928.795.073
Thuế tiêu thụ đặc biệt còn được khấu trừ	28.499.368.351	-
Thuế bảo vệ môi trường	4.311.998.000	3.679.214.300
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	35.790.923.187	3.963.734.879
Thuế thu nhập cá nhân	141.795.699	136.012.915
Thuế nhà đất	553.792.657	356.139.000
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	16.500.000
	<b><u>70.062.397.827</u></b>	<b><u>13.080.396.167</u></b>

22-C  
 H  
 Y  
 UHA  
 IE  
 M  
 CHI

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà Petro Tower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23.346.934.174	7.788.804.905
Tạm ứng cho nhân viên	12.156.742.600	14.347.736.227
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.384.683.816	657.967.048
	<b>36.888.360.590</b>	<b>22.794.508.180</b>

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	3.279.952.466.689	1.053.924.677.780	336.448.482.467	76.512.120.215	108.535.737.619	4.855.373.484.770
Mua sắm mới	26.728.598.841	18.387.392.898	14.539.793.438	2.199.342.838	71.534.000	61.926.662.015
XDCB bàn giao	132.757.139.867	91.572.319.482	10.762.426.848	12.133.769.796	1.009.365.899	248.235.021.892
Điều chỉnh theo quyết toán	(30.732.019.579)	(616.507.637)	-	-	436.360.989	(30.912.166.227)
Thanh lý, nhượng bán	116.312.037.584	48.773.620.406	19.952.482.926	5.449.662.654	16.585.606.963	207.073.410.533
Phân loại lại	26.562.538.611	(499.565.686)	(403.025.609)	(540.845.110)	(25.119.102.206)	-
Tặng, giảm khác	21.853.154.266	2.975.910.936	887.155.391	20.427.517	(4.687.568.237)	21.049.079.873
Tại ngày 31/12/2014	<b>3.340.809.841.111</b>	<b>1.116.970.607.367</b>	<b>342.282.349.609</b>	<b>84.875.152.602</b>	<b>63.660.721.101</b>	<b>4.948.598.671.790</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	1.189.946.170.924	582.686.819.492	184.084.772.167	42.738.232.773	55.465.845.369	2.054.921.840.725
Khấu hao trong năm	181.351.463.419	115.432.779.030	38.952.325.464	12.159.319.234	1.288.360.728	349.184.247.875
Điều chỉnh theo quyết toán	(1.856.154.715)	1.197.871.165	-	-	-	(658.283.550)
Thanh lý, nhượng bán	78.960.306.057	33.714.418.566	17.114.545.900	5.338.653.979	16.488.478.499	151.616.403.001
Phân loại lại	5.399.729.621	183.861.150	14.641.590	3.508.294	(5.601.740.655)	-
Tặng, giảm khác	19.312.704.781	(16.506.020.029)	(2.191.897.203)	(783.850.479)	(296.458.449)	(465.521.379)
Tại ngày 31/12/2014	<b>1.315.193.607.973</b>	<b>649.280.892.242</b>	<b>203.745.296.118</b>	<b>48.778.555.843</b>	<b>34.367.528.494</b>	<b>2.251.365.880.670</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2014	<b>2.025.616.233.138</b>	<b>467.689.715.125</b>	<b>138.537.053.491</b>	<b>36.096.596.759</b>	<b>29.293.192.607</b>	<b>2.697.232.791.120</b>
Tại ngày 31/12/2013	<b>2.090.006.295.765</b>	<b>471.237.858.288</b>	<b>152.363.710.300</b>	<b>33.773.887.442</b>	<b>53.069.892.250</b>	<b>2.800.451.644.045</b>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 597.372.341.806 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 522.083.140.234 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm một số tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Dầu khí Lào (Công ty con của Tổng Công ty) mua từ trước năm 2012 không có hồ sơ, chứng từ đầy đủ với giá trị còn lại là 10.624.442.278 LAK (tương đương 27.340.304.369 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 28, các tài sản cố định hữu hình đem thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 384.362.740.930 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 260.811.578.331 VND).

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	1.359.948.826.051	46.151.554.655	20.538.005.032	1.426.638.385.738
Mua trong năm	57.122.400.641	1.434.346.340	160.000.000	58.716.746.981
XDCB bàn giao	57.533.157.451	539.420.000	-	58.072.577.451
Thanh lý, nhượng bán	13.140.866.892	-	-	13.140.866.892
Điều chỉnh khác	(7.428.945.160)	(238.982.560)	(803.693.000)	(8.471.620.720)
Tại ngày 31/12/2014	<b>1.454.034.572.091</b>	<b>47.886.338.435</b>	<b>19.894.312.032</b>	<b>1.521.815.222.558</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	43.874.710.073	20.874.146.746	8.253.524.989	73.002.381.808
Khấu hao trong năm	21.507.428.195	8.286.829.248	299.011.582	30.093.269.025
Thanh lý, nhượng bán	60.191.103	-	-	60.191.103
Điều chỉnh khác	(2.936.127.365)	(149.399.227)	(247.697.292)	(3.333.223.884)
Tại ngày 31/12/2014	<b>62.385.819.800</b>	<b>29.011.576.767</b>	<b>8.304.839.279</b>	<b>99.702.235.846</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2014	<b>1.391.648.752.291</b>	<b>18.874.761.668</b>	<b>11.589.472.753</b>	<b>1.422.112.986.712</b>
Tại ngày 31/12/2013	<b>1.316.074.115.978</b>	<b>25.277.407.909</b>	<b>12.284.480.043</b>	<b>1.353.636.003.930</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, giá trị quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh và Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 25.037.420.341 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10.223.455.902 VND) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự án 148 Hoàng Quốc Việt	104.945.719.155	65.468.177.078
Đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu	72.081.474.129	63.484.890.127
Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	56.164.171.321	56.384.803.077
Nâng cấp đồng bộ công nghệ các kho xăng dầu PV OIL	38.430.344.873	12.669.494.873
Kho Trung chuyển xăng dầu Hợp Thịnh - Kỳ Sơn, Hòa Bình	12.599.556.079	12.551.010.624
Bồn chứa và xuất nhập E100 tại Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	12.309.163.799	12.309.163.799
Công trình tuyến ống qua cảng PV GAS	12.235.142.826	-
Mở rộng kho chứa nhà máy chế biến Condensate	10.229.106.754	33.442.089.548
Công trình Mở rộng kho xăng dầu Nhà Bè	934.110.000	6.950.211.310
Công trình tại Ban Quản lý dự án Phía Bắc	-	11.742.076.875
Bồn pha chế xăng E5 tại Nhà Bè và Đà Nẵng	-	26.180.647.795
Kho Phú Định	-	39.593.485.655
Công trình khác	43.266.511.669	69.650.948.774
	<b>363.195.300.605</b>	<b>410.426.999.535</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 28, Tổng Công ty đã thế chấp một số công trình xây dựng cơ bản dở dang với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 104,9 tỷ VND để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

30/12  
 CHI  
 CỔ  
 ÁCH N  
 DE  
 VI  
 VI-

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà xưởng	Khác	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	52.532.370.073	771.255.889	53.303.625.962
Giảm trong năm	31.365.627.096	-	31.365.627.096
Tại ngày 31/12/2014	<b>21.166.742.977</b>	<b>771.255.889</b>	<b>21.937.998.866</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	9.571.879.214	620.596.174	10.192.475.388
Khấu hao trong năm	1.668.417.256	43.817.232	1.712.234.488
Giảm trong năm	3.893.517.342	-	3.893.517.342
Tại ngày 31/12/2014	<b>7.346.779.128</b>	<b>664.413.406</b>	<b>8.011.192.534</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2014	<b>13.819.963.849</b>	<b>106.842.483</b>	<b>13.926.806.332</b>
Tại ngày 31/12/2013	<b>42.960.490.859</b>	<b>150.659.715</b>	<b>43.111.150.574</b>

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

500-  
 NH  
 NG  
 HIỆM  
 OI  
 T N  
 TP. H

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM****TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)</b>
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Cần Thơ	92,19%	92,19%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Hà Tĩnh	56,50%	56,50%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vĩnh Long	Vĩnh Long	95,14%	95,14%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Ninh Bình	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	Tp. Hồ Chí Minh	62,67%	62,67%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	Thái Nguyên	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Trà Vinh	95,43%	95,43%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	Bạc Liêu	93,90%	96,09%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Bình Thuận	78,35%	79,68%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hoá	55,22%	56,86%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Vũng Tàu	67,64%	67,64%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	66,05%	66,93%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	57,18%	57,18%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	71,35%	71,35%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	74,67%	74,67%
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Lào	Lào	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	68,00%	68,00%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Nam Định	55,95%	56,75%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Tây Ninh	78,62%	78,62%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Quảng Ninh	79,63%	79,63%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	Quảng Ninh	58,60%	66,85%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Phú Yên	67,13%	67,13%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Phú Thọ	71,68%	71,68%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang	An Giang	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	Kiên Giang	86,96%	86,96%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu Quốc tế	Singapore	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	Quảng Ngãi	71,43%	71,43%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	Hải Phòng	72,00%	72,00%
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	70,02%	71,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch XDDK Hà Giang	Hà Giang	79,59%	80,37%
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Tp. Hồ Chí Minh	50,85%	50,85%
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC) (*)	Tp. Hồ Chí Minh	95,09%	95,19%

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty ghi nhận và phản ánh trên báo cáo tài chính riêng khoản góp vốn cổ phần vào Petec lớn hơn giá trị Petec đang theo dõi và hạch toán với số tiền 111.225.298.544 VND. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản chênh lệch này sẽ được xử lý khi Petec thực hiện xong công tác quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ tại công ty con để loại trừ khoản chênh lệch này trước khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

002-C  
NH  
TY  
HUU NH  
TE  
AM  
O CH

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

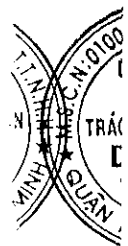
**19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí	Hà Nội	39,76%	39,76%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Thương mại dầu khí Petechim	Tp. Hồ Chí Minh	29,00%	29,00%	Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu	Tp. Hồ Chí Minh	44,87%	44,94%	Xuất nhập khẩu xăng dầu, vận chuyển hàng hóa
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	Bình Dương	24,29%	24,29%	Kinh doanh xăng dầu, hàng tiêu dùng
Công ty Cổ phần Thương mại Bình Thuận	Bình Thuận	35,39%	35,39%	Kinh doanh xăng dầu, kinh doanh thương mại
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Quảng Trị	Quảng Trị	45,00%	45,00%	Kinh doanh xăng dầu, công nghệ phẩm, nông sản, thực phẩm,...
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học dầu khí miền Trung	Quảng Ngãi	38,77%	38,77%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Vận tải Mê Kông	Cần Thơ	32,86%	34,96%	Dịch vụ vận chuyển
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn Phú Yên	Phú Yên	26,18%	39,00%	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Phú Yên	47,79%	47,79%	Sản xuất, chế biến hàng nông sản xuất khẩu,...
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	Cà Mau	24,55%	24,84%	Kinh doanh xăng dầu, công nghệ phẩm, nông sản, thực phẩm,...
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	Tp. Hồ Chí Minh	23,97%	26,00%	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	Bình Dương	32,13%	39,21%	Vận chuyển và lưu kho tài liệu
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	Bình Định	29,99%	31,54%	Kinh doanh xăng dầu, xi măng

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tổng tài sản	6.978.297.628.281	7.505.631.800.849
Tổng công nợ	4.634.798.792.023	4.918.886.856.546
Tài sản thuần	2.343.498.836.258	2.586.744.944.303
Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết	978.237.329.144	1.055.476.813.524
	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu	17.164.951.728.110	15.741.820.394.011
Lỗ thuần	(118.418.342.887)	(34.715.094.928)
Phần lỗ thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết	(61.898.096.407)	(19.471.488.289)



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. GÓP VỐN LIÊN DOANH**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<u>Tên công ty liên doanh</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu dầu khí Việt Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	22,59%	Đầu tư xây dựng kho ngầm chứa xăng dầu
Công ty Liên doanh Hóa chất LG-VINA	Đồng Nai	15%	Sản xuất và kinh doanh dầu hoá dẻo DOP
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Bình Phước	34,77%	Sản xuất kinh doanh nhiên liệu sinh học

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên doanh của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	2.096.598.779.480	2.143.791.287.351
Tổng công nợ	1.783.959.339.974	1.624.472.027.932
Tài sản thuần	312.639.439.506	519.319.259.419
Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh	66.066.398.237	140.462.413.794
	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	1.383.586.626.436	1.112.870.650.892
Lỗ thuần	(166.668.035.726)	(208.517.367.087)
Phần lỗ thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh	(68.356.913.925)	(79.833.484.162)

**21. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	26.090.000.000	26.090.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	28.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rộng	-	6.495.547.032
Công ty Cổ phần Âu Lạc	29.706.587.314	29.706.587.314
Đầu tư dài hạn khác	39.720.517.363	39.757.842.883
	<u>227.117.104.677</u>	<u>205.649.977.229</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(37.181.467.625)	(24.496.895.032)
	<u>189.935.637.052</u>	<u>181.153.082.197</u>

125  
 HI T  
 CÔN  
 HNH  
 EL  
 VIỆ  
 - T

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	289.280.775.908	330.913.400.864
Giá trị lợi thế vị trí địa lý (*)	298.729.831.067	252.746.275.424
Tiền thuê đất trả trước	12.394.917.096	32.454.724.751
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	20.929.048.532	25.290.457.799
Chi phí chính trang ngoại thất các cửa hàng xăng dầu theo nhận dạng thương hiệu PV OIL	10.661.882.664	75.584.462.036
Trả trước dài hạn khác	109.837.955.086	67.869.447.170
	<b><u>741.834.410.353</u></b>	<b><u>784.858.768.044</u></b>

(\*) Bao gồm phần giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê trả tiền hàng năm ghi nhận vào giá trị Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP (“Petec”) khi cổ phần hóa ngày 18 tháng 5 năm 2011 với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 221.989.482.960 VND. Nghị định số 189/2013/NĐ-CP (gọi tắt là “Nghị định 189”) ngày 20 tháng 11 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần quy định: “Đối với các doanh nghiệp đã xác định giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê vào giá trị doanh nghiệp và hạch toán tăng phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được cấp có thẩm quyền công bố giá trị doanh nghiệp theo quy định trước ngày Nghị định số 59/2011/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp của doanh nghiệp cổ phần hóa”. Nghị định 189 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và được hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 10 năm 2014. Tuy nhiên, Petec chưa được các cơ quan thuế địa phương chấp nhận khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp trong năm 2014 do phải chờ văn bản hướng dẫn. Do đó, Petec đã nộp tiền thuê đất và ghi nhận chi phí tương ứng trong năm 2014 và tạm ngưng phân bổ chi phí trả trước dài hạn liên quan đến giá trị lợi thế vị trí địa lý phát sinh từ cổ phần hóa từ năm 2014. Hiện tại, Petec đang tiếp tục làm việc với cơ quan thuế địa phương và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xem xét áp dụng quy định của Nghị định 189 trong năm 2015.

**23. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	<u>2014</u>
	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	239.339.515.366
Tăng do hợp nhất Timexco/Petec, sáp nhập Petromat	6.550.068.698
Giảm trong năm	(11.433.546.265)
Số dư cuối năm	<b><u>234.456.037.799</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	63.303.022.464
Khấu hao trong năm	24.148.408.435
Giảm trong năm	(5.191.832.796)
Số dư cuối năm	<b><u>82.259.598.103</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Số dư cuối năm	<b><u>152.196.439.696</u></b>
Số dư đầu năm	<b><u>176.036.492.902</u></b>

00-00  
 HÃNH  
 G TY  
 ỆM HỮI  
 ĐITT  
 NAN  
 HỒ



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận I  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**24. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>2.271.282.283.134</b>	<b>6.552.553.375.439</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.154.790.219.546	2.823.796.941.537
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	511.174.581.623	2.124.505.999.374
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	509.349.734.920	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	35.837.228.731	19.866.542.720
Ngân hàng TMCP Phương Nam	25.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đông Á	19.885.538.000	50.820.509.500
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	509.734.522.418
Ngân hàng HSBC Việt Nam	-	465.422.450.955
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	524.789.527.176
Vay ngắn hạn khác	15.244.980.314	33.616.881.759
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 28)</b>	<b>136.493.310.297</b>	<b>115.245.579.200</b>
	<b><u>2.407.775.593.431</u></b>	<b><u>6.667.798.954.639</u></b>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng và các cá nhân để bổ sung vốn lưu động của Tổng Công ty. Các khoản vay từ các ngân hàng có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Các khoản vay từ các ngân hàng chịu lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, dao động từ 1% đến 4,2%/năm (năm 2013: từ 1,95%/năm đến 2,5%/năm) đối với Đô la Mỹ và dao động từ 3,9% đến 11%/năm (năm 2013: từ 5%/năm đến 18%/năm) đối với Đồng Việt Nam. Các khoản vay có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 48.895.556.606 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 85.045.245.037 VND) được đảm bảo bằng tài sản cố định, các khoản vay còn lại được bảo đảm bằng tín chấp.

**25. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2.332.342.570.455	3.818.897.602.707
Xí nghiệp Liên doanh VietsovPetro	2.039.360.527.588	3.147.040.428.650
Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn	3.301.623.496.304	3.867.284.880.945
Gunvor Singapore Pte., Ltd	-	1.705.207.623.320
Trafigura Pte., Ltd.	-	1.197.816.921.978
Te Giac Trang Oil Field's Principals	-	750.427.857.055
Brunei Shell	805.155.378.606	-
Tiền dầu mỏ Cá Ngừ Vàng	-	581.405.897.568
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	113.434.144.250	430.575.595.079
Tiền dầu mỏ Đồi Mồi	-	235.773.612.426
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	27.730.056.467	24.670.227.525
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	-	1.433.733.270
Phải trả người bán khác	901.545.397.219	2.586.436.393.212
	<b><u>9.521.191.570.889</u></b>	<b><u>18.346.970.773.734</u></b>

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	(trình bày lại) VND
Thuế giá trị gia tăng	166.320.215.698	30.460.977.222
Thuế nhập khẩu	5.929.705.020	7.199.129.712
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	137.439.946.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.380.659.974	116.901.910.964
Thuế thu nhập cá nhân	3.498.141.669	4.519.308.179
Thuế bảo vệ môi trường	195.496.022.934	202.804.056.485
Thuế, phí khác	36.745.441.689	36.466.122.916
	<b>442.370.186.984</b>	<b>535.791.451.598</b>

**27. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ	244.745.808.191	165.946.394.757
Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro	92.166.641.380	60.651.151.479
Hàng vay sản phẩm dầu	253.799.208.277	8.115.179.736
Phải trả, phải nộp khác	87.809.099.946	135.091.738.392
	<b>678.520.757.794</b>	<b>369.804.464.364</b>

**28. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay dài hạn	513.846.512.024	646.287.094.693
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	(136.493.310.297)	(115.245.579.200)
	<b>377.353.201.727</b>	<b>531.041.515.493</b>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	80.474.362.751	137.543.702.285
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	20.070.210.924	40.070.210.924
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	9.263.980.770	10.036.500.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	47.405.695.214	26.796.648.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	265.351.258.694	323.772.129.812
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	80.775.903.671	106.955.903.672
Đối tượng khác	10.505.100.000	1.112.000.000
	<b>513.846.512.024</b>	<b>646.287.094.693</b>

Các khoản vay dài hạn cho mục đích tài trợ các dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu tại Tổng Công ty và các công ty con. Các khoản vay chịu lãi suất từ 6,9% đến 12,5%/năm (năm 2013: từ 5% đến 18%/năm) đối với các khoản vay bằng Đồng Việt Nam.

Các khoản vay này được bảo đảm bằng: (i) công trình của kho xăng dầu Cù Lao Tào, Cảng Cù Lao Tào (ii) tài sản hình thành từ dự án tổng kho Vũng Áng; (iii) tài sản hình thành từ dự án Kho trung chuyển tại Nam Định, (iv) quyền sử dụng đất tại kho cảng Đa Phúc, và (v) tài sản hình thành từ dự án trung tâm thương mại và văn phòng giao dịch số 148 Hoàng Quốc Việt, thành phố Hà Nội.

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	136.493.310.297	115.245.579.200
Trong năm thứ hai	119.684.576.832	168.805.242.580
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	211.736.828.830	283.627.367.869
Sau năm năm	45.931.796.065	78.608.905.044
	<u>513.846.512.024</u>	<u>646.287.094.693</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Nợ ngắn hạn- Thuyết minh số 24)	136.493.310.297	115.245.579.200
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u>377.353.201.727</u>	<u>531.041.515.493</u>

**29. QUỸ BÌNH ỔN GIÁ XĂNG DẦU**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	(319.079.448.396)	(92.671.950.835)
Tăng do hợp nhất Petec	-	(179.661.023.660)
Trích quỹ trong năm	954.712.356.516	909.281.883.057
Sử dụng quỹ trong năm	(185.724.144.453)	(956.028.356.958)
<b>Số dư cuối năm</b>	<u>449.908.763.667</u>	<u>(319.079.448.396)</u>
<i>Trong đó:</i>		
Quỹ bình ổn giá xăng dầu của Công ty mẹ	594.858.618.897	(174.129.593.166)
Quỹ bình ổn giá xăng dầu của Petec (i)	(144.949.855.230)	(144.949.855.230)

Việc trích lập và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu được thực hiện theo các quy định của Bộ Tài chính tại các thời điểm khác nhau (như trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4 - Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, mục "Quỹ bình ổn giá xăng dầu"). Trong năm 2014, Tổng Công ty thực hiện trích lập và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu theo các quy định hiện hành. Phần chênh lệch trích và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu phát sinh sẽ được thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính trong thời gian tiếp theo.

(i) Ngày 31 tháng 5 năm 2013, Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần ("Petec" - Công ty con của Tổng Công ty) đã kết thúc nhiệm vụ đầu mỗi kinh doanh xăng dầu căn cứ vào Công văn số 3548/QĐ-BCT của Bộ Công thương, theo đó, Petec đã ngừng trích và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Petec có số dư quỹ bình ổn giá xăng dầu là âm (-) 144.949.855.230 đồng, thể hiện khoản sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu vượt quá số trích lũy kể từ những năm trước chưa được xử lý. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty đang trong quá trình xin Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý số dư quỹ bình ổn sau khi chấm dứt chức năng đầu mỗi kinh doanh xăng dầu của Petec.

01/2015  
 CHI  
 CỘ  
 CH NH  
 DEL  
 VI  
 1-1

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**30. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lỗ lũy kế đã điều chỉnh hồi tố VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND
<b>Tại ngày 01/01/2013 (Trình bày lại)</b>	<b>8.420.000.000.000</b>	<b>87.277.974.352</b>	<b>97.538.722.343</b>	<b>21.544.590.369</b>	<b>(8.763.976.964)</b>	<b>(424.380.253.579)</b>	<b>30.182.314.713</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	356.356.324.740	-
Trích các quỹ trong năm	-	29.436.260.289	9.355.335.405	392.720.057	-	(67.440.158.598)	-
Kết chuyển và hoàn nhập quỹ	-	(9.546.424.206)	-	-	-	9.546.424.206	-
Tập đoàn bổ sung vốn	2.464.251.000.000	-	-	-	-	-	-
Phân phối lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện năm trước	-	-	-	-	-	(14.639.606.622)	-
Lợi nhuận liên doanh chia cho bên PV GAS	-	-	-	-	-	(58.021.011.337)	-
Tăng do hợp nhất	-	16.234.186.940	10.601.512.039	-	-	(1.133.655.588.027)	-
Điều chỉnh cho cổ đông thiểu số	-	(11.961.361.366)	(6.093.804.044)	(157.225.723)	-	26.684.507.297	-
Phân loại theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC hướng dẫn nghị định số 71/2013/NĐ-CP	-	79.490.074.793	(79.490.074.793)	-	-	-	-
Khác	-	3.171.612.773	(4.159.249.710)	(1.529.801.470)	4.173.960.587	(40.446.544.499)	-
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>10.884.251.000.000</b>	<b>194.102.323.575</b>	<b>27.752.441.240</b>	<b>20.250.283.233</b>	<b>(4.590.016.377)</b>	<b>(1.345.995.906.419)</b>	<b>30.182.314.713</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(1.503.565.161.616)	-
Trích các quỹ trong năm	-	55.089.724.447	10.469.052.068	798.014.156	-	(101.328.994.358)	-
Lợi nhuận bổ sung phải trả về Tập đoàn (i)	-	-	-	-	-	(62.759.428.056)	-
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	-	-	-	(52.627.579.745)	-
Lỗ phân bổ cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(21.657.247.397)	-
Điều chỉnh các quỹ (i)	-	15.894.211.757	-	-	-	(15.894.211.757)	-
Điều chỉnh cho cổ đông thiểu số	-	(14.067.525.260)	(3.604.915.753)	(288.300.778)	-	17.960.741.791	(23.674.432.600)
Xử lý Cổ phần hóa Công ty con (iii)	-	(17.570.051.756)	(1.574.525.935)	3.744.037.132	8.213.929.737	13.348.924.120	-
Khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>10.884.251.000.000</b>	<b>233.448.682.763</b>	<b>33.042.051.620</b>	<b>24.504.033.743</b>	<b>3.623.913.360</b>	<b>(3.072.518.863.437)</b>	<b>6.507.882.113</b>

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

- (i) Theo Quyết định số 5234/QĐ-DKVN ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 Công ty mẹ của Tổng Công ty, Tổng Công ty cần phải nộp về Tập đoàn khoản lợi nhuận của năm 2012 với số tiền là 62.759.428.056 VND và tăng Quỹ Đầu tư phát triển với số tiền là 15.894.211.757 VND.
- (ii) Điều chỉnh phân phối lợi nhuận phát sinh năm 2013 liên quan đến phần lợi nhuận bị ảnh hưởng sau khi Tổng Công ty phải nộp số thuế tiêu thụ đặc biệt từ việc mua Condensate lô 11.2. Khoản lợi nhuận này được điều chỉnh giảm trong năm 2014 do năm 2013 ghi nhận tăng khoản phải thu này từ Tập đoàn.
- (iii) Theo Công văn số 5707/BTC-TCĐN ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc xử lý vướng mắc của Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL (“PV OIL Lube” - Công ty con của Tổng Công ty), Tổng Công ty đã ghi nhận chuyển lại một phần quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp để xử lý cổ phần hóa tại PV OIL Lube.

**31. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	(trình bày lại) VND
Vốn điều lệ	1.055.884.029.644	1.051.041.068.125
Vốn khác của chủ sở hữu	1.178.601.775	1.178.601.775
Thặng dư vốn cổ phần	22.234.689.949	14.394.151.554
Quỹ đầu tư phát triển	53.218.217.050	39.649.553.849
Quỹ dự phòng tài chính	18.714.935.374	14.305.533.538
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.419.487.191	8.055.104.936
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(78.305.621.048)	(29.953.265.394)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	1.530.884.812	1.530.884.812
	<b>1.080.875.224.747</b>	<b>1.100.201.633.195</b>

**32. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014	2013
	VND	VND
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>68.828.827.518.778</b>	<b>101.317.175.618.965</b>
- Doanh thu bán hàng	68.413.897.472.803	100.874.471.223.457
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	235.674.841.751	282.638.890.852
- Doanh thu từ ủy thác xuất khẩu dầu thô	179.255.204.224	160.065.504.656
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(2.517.829.560.324)</b>	<b>(2.885.158.977.800)</b>
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	(534.398.522.380)	(758.717.817.577)
- Chiết khấu thương mại	(83.815.395.281)	(38.457.590.726)
- Thuế bảo vệ môi trường	(1.899.615.642.663)	(2.087.983.569.497)
- Hàng bán bị trả lại	-	-
	<b>66.310.997.958.454</b>	<b>98.432.016.641.165</b>

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng bán	65.015.518.013.278	95.002.757.619.520
Giá vốn dịch vụ cung cấp	139.666.503.938	179.740.167.022
	<b>65.155.184.517.216</b>	<b>95.182.497.786.542</b>

**34. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.168.191.603.220	8.418.218.958.974
Chi phí nhân công	712.362.308.849	733.042.784.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định	381.102.208.249	329.087.910.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	430.567.225.951	276.485.235.141
Chi phí khác bằng tiền	745.354.625.048	985.673.677.470
	<b>10.437.577.971.317</b>	<b>10.742.508.566.364</b>

**35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	96.048.929.827	117.176.507.776
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	38.350.989.419	51.505.461.313
Cổ tức được chia	2.197.866.182	10.150.175.897
Lãi bán hàng trả chậm	2.790.826.313	60.296.466.681
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.244.879.050	50.003.866.530
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.828.970.656	7.451.489.552
	<b>144.462.461.447</b>	<b>296.583.967.749</b>

**36. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	265.328.621.627	306.730.772.632
Lỗ chênh lệch tỷ giá	77.531.185.475	51.615.384.826
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	9.878.599.715	14.383.517.320
Chi phí bán hàng trả chậm	-	54.897.947.381
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	-	36.365.594.333
Chi phí tài chính khác	4.858.421	16.297.303.134
	<b>352.743.265.238</b>	<b>480.290.519.626</b>

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà Petro Tower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**37. LỢI NHUẬN KHÁC**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	190.507.714.087	68.970.679.196
Tiền bồi thường nhận được	5.509.169.303	3.897.322.784
Các khoản thu nhập khác	97.316.825.019	60.795.723.758
<b>Thu nhập khác</b>	<b>293.333.708.409</b>	<b>133.663.725.738</b>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	83.808.752.826	37.018.290.356
Các khoản tiền phạt	37.010.317.467	-
Các khoản chi phí khác	57.244.856.572	79.465.713.983
<b>Chi phí khác</b>	<b>178.063.926.865</b>	<b>116.484.004.339</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>115.269.781.544</b>	<b>17.179.721.399</b>

**38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(1.332.004.146.730)</b>	<b>663.361.153.882</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>	<b>(96.245.340.799)</b>	<b>(71.116.524.253)</b>
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(189.352.136.474)	(233.327.713.180)
Ảnh hưởng từ thu nhập đánh giá lại tài sản	-	24.625.246.827
Lỗi mang sang	(7.990.197.696)	(2.394.049.577)
Điều chỉnh do hợp nhất	-	116.190.772.193
Chi phí không được khấu trừ khác	101.096.993.371	23.789.219.484
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>(1.428.249.487.529)</b>	<b>592.244.629.629</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế suất thuế TNDN 22%	(1.510.318.429.452)	977.670.045.852
Thu nhập chịu thuế suất thuế TNDN 17%, 24% và 25%	65.526.479.278	60.758.210.668
Thu nhập hoạt động chuyển nhượng bất động sản	2.982.890.656	26.104.754.579
Lỗi các công ty không được khấu trừ	-	(472.288.381.470)
Thu nhập hoạt động kinh doanh chính được ưu đãi thuế	13.559.571.989	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
Thu nhập chịu thuế suất thuế TNDN 22%	54.351.387.867	244.417.511.468
Thu nhập chịu thuế suất thuế TNDN 17%, 24% và 25%	14.916.310.540	13.955.414.966
Thu nhập hoạt động chuyển nhượng bất động sản	656.235.944	6.526.188.645
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	583.293.949	7.479.088.262
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp giảm trừ	-	(2.464.052.305)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp từ công ty con	1.311.428.354	932.561.513
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>71.818.656.654</b>	<b>270.846.712.549</b>

010017  
 CH  
 C  
 TRÁCH  
 DI  
 V  
 HẠN T

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**39. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**Cam kết vốn**

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 được phê duyệt ngày 29 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt giá trị đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản và đầu tư tài chính trong năm 2015 với số tiền là 173 tỷ VND.

**Cam kết thuê hoạt động**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	24.744.102.078	17.535.917.036

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	16.701.261.234	13.847.698.020
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	26.733.183.477	24.908.473.432
Sau năm năm	19.510.279.014	2.291.294.162
	<u>62.944.723.725</u>	<u>41.047.465.614</u>

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 và 28 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	2.785.128.795.158	7.198.840.470.132
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.249.113.998.649	5.356.416.593.105
Nợ thuần	(2.463.985.203.491)	1.842.423.877.027
Vốn chủ sở hữu	8.120.085.198.213	9.813.178.938.016
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0,19

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.249.113.998.649	5.356.416.593.105
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.704.053.752.262	16.330.527.026.354
Đầu tư ngắn hạn	958.574.803.894	1.030.203.462.131
Đầu tư dài hạn	189.935.637.052	181.153.082.197
Tài sản tài chính khác	27.170.283.144	10.900.865.795
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.128.848.475.001</b>	<b>22.909.201.029.582</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	2.785.128.795.158	7.198.840.470.132
Phải trả người bán và phải trả khác	10.206.635.009.250	18.721.877.317.302
Chi phí phải trả	72.782.576.440	117.048.915.158
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.064.546.380.848</b>	<b>26.037.766.702.592</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các chi phí bỏ ra để thực hiện các biện pháp phòng ngừa có thể cao hơn mức chi phí tiềm tàng do thay đổi tỷ giá, lãi suất và giá trong tương lai của các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

1-002  
ÁNH  
TY  
HỮU  
TTI  
NAM  
HỒ C

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	Trình bày lại VND	VND	Trình bày lại VND
Đô la Mỹ	992.678.812.973	1.200.488.839.685	1.474.129.303.530	4.319.482.399.341
Đô la Singapore	3.884.788.664	3.730.633.489	-	-
Kip - Lào	208.225.490.888	244.737.783.050	122.928.013.034	181.437.269.883
Euro	16.157.268	-	-	-

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Tổng Giám đốc ước tính là 5%. Khi đó, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại cuối năm. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lỗ trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	Trình bày lại VND
Đô la Mỹ	(24.072.524.528)	(155.949.677.983)
Đô la Singapore	194.239.433	186.531.674
Kip - Lào	4.264.873.893	3.165.025.658
Euro	807.863	-

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty đánh giá rủi ro tín dụng có thể kiểm soát được do khách hàng chủ yếu là các bên liên quan.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.249.113.998.649	-	-	5.249.113.998.649
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.704.053.752.262	-	-	7.704.053.752.262
Đầu tư ngắn hạn	958.574.803.894	-	-	958.574.803.894
Đầu tư dài hạn	-	189.935.637.052	-	189.935.637.052
Tài sản tài chính khác	23.346.934.174	3.823.348.970	-	27.170.283.144
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.935.089.488.979</b>	<b>193.758.986.022</b>	<b>-</b>	<b>14.128.848.475.001</b>
<b>31/12/2014</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	10.199.712.328.683	6.922.680.567	-	10.206.635.009.250
Chi phí phải trả	72.782.576.440	-	-	72.782.576.440
Các khoản vay	2.407.775.593.431	331.421.405.662	45.931.796.065	2.785.128.795.158
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.680.270.498.554</b>	<b>338.344.086.229</b>	<b>45.931.796.065</b>	<b>13.064.546.380.848</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.254.818.990.425</b>	<b>(144.585.100.207)</b>	<b>(45.931.796.065)</b>	<b>1.064.302.094.153</b>
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.356.416.593.105	-	-	5.356.416.593.105
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.328.904.538.231	1.622.488.123	-	16.330.527.026.354
Đầu tư ngắn hạn	1.030.203.462.131	-	-	1.030.203.462.131
Đầu tư dài hạn	-	181.153.082.197	-	181.153.082.197
Tài sản tài chính khác	7.788.804.905	3.112.060.890	-	10.900.865.795
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.723.313.398.372</b>	<b>185.887.631.210</b>	<b>-</b>	<b>22.909.201.029.582</b>
<b>31/12/2013</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	18.716.775.238.098	5.102.079.204	-	18.721.877.317.302
Chi phí phải trả	117.048.915.158	-	-	117.048.915.158
Các khoản vay	6.667.798.954.639	452.432.610.449	78.608.905.044	7.198.840.470.132
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.501.623.107.895</b>	<b>457.534.689.653</b>	<b>78.608.905.044</b>	<b>26.037.766.702.592</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(2.778.309.709.523)</b>	<b>(271.647.058.443)</b>	<b>(78.608.905.044)</b>	<b>(3.128.565.673.010)</b>

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng để bù đắp thiếu hụt nguồn vốn lưu động Tổng Công ty có thể huy động được các nguồn vốn từ các khoản vay, cũng như sự hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Tổng Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

**Danh sách các bên liên quan:**

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Xí nghiệp Liên doanh VietsovPetro	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Cùng Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	Cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng Tập đoàn

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cấp bổ sung vốn điều lệ	-	2.464.251.000.000
<b>Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan:</b>	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	858.215.575.005	4.212.803.831.634
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	496.148.141.805	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác dầu khí	382.181.140.810	127.518.489.089
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	282.349.334.199	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	180.352.664.234	160.867.784.111
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	73.189.122.282	49.720.817.791
Tổng Công ty Khí Việt Nam	56.503.109.299	5.394.568.203
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	45.537.675.478	52.497.265.834
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	23.238.615.028	38.949.398.241
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	21.303.245.276	17.752.311.200
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	13.663.617.871	9.736.391.440
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	13.123.929.820	11.741.098.486
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu Khí (PSA)	12.063.295.452	8.858.640.697
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	9.603.779.864	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	1.487.763.337	1.716.259.848
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	1.023.375.815	62.597.345.448
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	406.912.644	822.003.811
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt	51.731.368	607.138.855
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	-	15.499.689.838
	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	35.014.463.795.049	45.642.747.822.326
Tổng Công ty Khí Việt Nam	816.186.429.235	418.887.561.154
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	506.603.010.032	551.818.245.463
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	289.873.951.646	340.405.400.075
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim	85.278.640.398	141.417.272.248
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt	77.513.639.472	72.776.372.288
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác dầu khí	37.028.529.406	60.048.402.219
Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Miền Trung	36.018.226.287	11.358.278.171
Công ty Cổ phần PVI	14.889.205.022	39.574.500.370
Công ty Cổ phần Giám định năng lượng Việt Nam	13.688.156.941	5.557.085.989
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	11.270.993.190	8.563.108.879
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	9.591.064.424	1.196.639.204
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển	9.586.871.399	9.170.463.952
Công ty Xây lắp Đường ống Bồn bể Dầu khí	-	4.908.201.062

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**41. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:*

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	3.888.654.610.602	10.047.867.639.419
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.362.230.984	579.436.202
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	22.933.824.137	59.371.949.733
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.800.000.000	33.732.042.100
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	3.344.250.262	8.863.412.790
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	243.782.750	61.822.524.423
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	219.666.710.523	335.053.718.324
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Các khoản phải trả</b>		
Xí nghiệp Liên doanh VietsovPetro	2.131.527.168.968	3.207.691.580.129
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	118.401.157.272	432.942.608.101
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	3.301.981.134.530	3.868.115.627.600
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.954.237.323	1.433.733.270
Tổng Công ty Khí Việt Nam	38.632.772.099	35.282.683.888
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	27.730.056.467	24.670.227.525
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	226.041.553.883	471.145.174.517
<b>Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</b>		
Vay dài hạn	590.125.638.591	106.955.903.672

***Thu nhập của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc***

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	11.262.075.627	14.092.102.521

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**42. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Phải nộp tại ngày 01/01/2014	Lũy kế từ đầu năm tới cuối năm này		Phải nộp tại ngày 31/12/2014
		Số phải nộp	Số đã nộp	
<b>Thuế</b>	<b>486.354.624.565</b>	<b>5.638.721.863.989</b>	<b>5.788.977.382.013</b>	<b>336.099.106.541</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	25.516.451.799	759.748.236.436	621.233.004.683	164.031.683.552
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	15.730.350	1.128.928.308.271	1.127.420.026.409	1.524.012.212
Thuế tiêu thụ đặc biệt	137.439.946.120	79.522.949.519	245.462.263.990	(28.499.368.351)
Thuế xuất, nhập khẩu	7.199.129.713	1.574.081.918.923	1.575.351.343.616	5.929.705.020
Thuế thu nhập doanh nghiệp	112.938.176.085	70.484.241.831	184.832.681.129	(1.410.263.213)
Thuế thu nhập cá nhân	4.383.295.264	15.121.861.753	16.148.811.047	3.356.345.970
Thuế tài nguyên	57.641.268	1.070.408.568	990.611.544	137.438.292
Thuế nhà đất	(304.088.219)	14.251.828.263	14.102.211.920	(154.471.876)
Thuế môn bài	(16.500.000)	514.511.500	498.011.500	-
Các loại thuế khác	199.124.842.185	1.994.997.598.925	2.002.938.416.176	191.184.024.934
<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>36.356.430.866</b>	<b>14.592.308.911</b>	<b>14.740.057.161</b>	<b>36.208.682.616</b>
Các khoản phí, lệ phí	1.503.059.015	10.793.787.851	10.981.642.338	1.315.204.528
Phí môi trường	-	2.830.405.830	2.811.607.050	18.798.780
Các khoản nộp phạt	25.560.543	13.968.176	39.528.719	-
Các khoản khác	34.827.811.308	954.147.054	907.279.054	34.874.679.308
<b>Tổng cộng</b>	<b>522.711.055.431</b>	<b>5.653.314.172.900</b>	<b>5.803.717.439.174</b>	<b>372.307.789.157</b>

Trong đó:

<i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>	<i>13.080.396.167</i>	<i>70.062.397.827</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	<i>535.791.451.598</i>	<i>442.370.186.984</i>

**43. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngày 08 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 114/NQ-DKVN về việc sửa đổi Điều 1 Nghị quyết số 1524/NQ-DKVN ngày 06 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, chấp thuận giá trị chuyển nhượng của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần (Petec) theo giá sổ sách kế toán của báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2013.

22-C  
H  
Y  
U HAI  
FE  
M  
CHIA

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**44. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với số liệu của năm nay như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sau phân</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>loại lại</u>
				<u>VND</u>
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>				
Các khoản phải thu khác	135	1.254.543.494.690	39.983.813.272	1.294.527.307.962
Hàng tồn kho	141	6.903.512.868.237	(39.983.813.272)	6.863.529.054.965



Đoàn Văn Nhậm  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Đăng Trình  
Kế toán trưởng

Phùng Tô Vân  
Người lập biểu

